TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST-DS	*M, ngày 02 tháng 02 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 370/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trương Văn P, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Phước D sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền ông Dương Thành C sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan::*

- Chị Trương Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Chị Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 34 ấp 4, xã Đạo Thạnh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M tỉnh Tiền Giang

- Chị Trương Thị H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 200, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Chị Trương Thị T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 90C/8 tổ 8, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Phong, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của T, Đ, D, H, H1, T1 là ông Dương Thành C sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã Trung An, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020

2.Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Phước D và ông Dương Thành C thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Trương Văn P, bà Nguyễn Thị A, chị Trương Thị Đ, chị Trương Thị H, Trương Thị Ngọc D, chị Trương Thị Ngọc H1, Trương Thị T, chị Trương Thị T1 theo "Văn bản thỏa thuận phân chia dia sản thừa kế theo pháp luật" ngày 20/01/2021 có nội dung như sau:

- Trước khi chết ông Trương Văn N không để lại di chúc nên những người được thừa kế di sản của ông Trương Văn N, sinh năm 1955, mất năm 2013 bao gồm: Bà Nguyễn Thị A (vợ ông N), chị Trương Thị T (con ruột ông N), Trương Thị Đ (con ruột ông N), Trương Thị Ngọc D (con ruột ông N), Trương Thị Ngọc H (con ruột ông N), Trương Thị H1 (con ruột ông N), Trương Văn P (con ruột ông N) và Trương Thị T1 (con ruột ông N).

- Di sản ông Trương Văn N để lại là phần đất có diện tích 1.129,41m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 1.161,5m^2), nằm trong tổng diện tích 2.258,82m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 2.317.6m^2), thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A.

- Bà Nguyễn Thị A được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích

1.156,1m^2(Trong đó, có 52,0 m^2 diện tích đất ở, và 1.104,1m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp cho bà Nguyễn Thị A. Trên quyền sử dụng đất có các công trình sau: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 52m^2 có kết cấu mái lợp tole, vách tường, cột bê tông, nền gạch bông, có khu phụ và chuồng trại không còn sử dụng;

Phần đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đất bà Phùng Anh T, ông Trương Minh B;

Tây giáp đường bê tông;

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Phượng L;

Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị A và Trương Thị T1.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x1.104,1m^2 = 126.971.500 đồng

Giá trị đất ở là 450.000đ/m^{2}x 52,2m^2= 23.400.000 đồng

Quyền sử dụng đất và các công trình phụ nêu trên thuộc thửa đất số 839, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

-Thống nhất việc chia phần di sản thừa kế của ông Trương Văn N làm 08 phần theo diện tích thực tế đã sử dụng như sau:

+ Anh Trương Văn P được nhận phần diện tích đất 307,5m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận:

Đông giáp đất bà Trương Thị T,

Tây giáp đường bê tông,

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị A,

Bắc giáp đất bà Trương Thị N.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 307.5m^2 = 35.362.500 đồng

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 831, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trương Thị T được nhận phần đất có diện tích 136,8m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận:

Đông giáp đất chị Trương Thị Đ,

Tây giáp đất anh Trương Văn P,

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị A,

Bắc giáp đất ông Dương Văn S.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 136.8m^2 = 15.732.000 đồng

Trên quyền sử dụng đất có 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2018 có kết cấu: nền gạch, mái tole, vách tường.

Quyền sử dụng đất và các công trình phụ nêu trên thuộc thửa đất số 832, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trương Thị Đ được nhận phần đất có diện tích 109,8m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận:

Đông giáp đất Trương Thị Ngọc D,

Tây giáp đất Trương Thị T,

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị A,

Bắc giáp đất ông Dương Văn S.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 109.8m^2 = 12.627.000 đồng

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 833, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang..

+ Chị Trương Thị Ngọc D được nhận phần diện tích đất 109,8m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận :

Đông giáp đất Trương Thị H;

Tây giáp đất Trương Thị Đ;

Nam giáp đất Nguyễn Thị A;

Bắc giáp đất ông Dương Văn S và bà Dương Thúy B.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 109,8m^2 = 12.627.000 đồng

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 834, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trương Thị Ngọc H được nhận phần đất có diện tích 108,0m^2 đất trồng cây lâu năm ,thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận như sau:

Đông giáp đất Trương Thị H;

Tây giáp đất Trương Thị Ngọc D;

Nam giáp đất Nguyễn Thị A;

Bắc giáp đất bà Trương Thúy B.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 108,0m^2 = 12.420.000 đồng

Trên quyền sử dụng đất có 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2018 có kết cấu: nền gạch, mái tole, vách tường.

Quyền sử dụng đất và các công trình phụ nêu trên thuộc thửa đất số 835, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trương Thị H1 được nhận phần đất có diện tích 107,5m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tự cận:

Đông giáp đất bà Nguyễn Thị T;

Tây giáp đất chị Trương Thị Ngọc H;

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị A;

Bắc giáp đất Dương Thúy B.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 107,5m^2 = 12.362.500 đồng

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 836, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trương Thị T1 được nhận phần đất có diện tích 176,8m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận:

Đông giáp đất Nguyễn Thị D, đường bê tông và Lê Quang P, Phùng Anh T,

Tây giáp đất Trương Thị H, Nguyễn Thị A,

Nam giáp Nguyễn Thị A,

Bắc giáp Dương Thúy B, Phan Tấn M.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 176,8m^2 = 20.332.000 đồng

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 837, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Nguyễn Thị A được nhận phần đất có diện tích 105,3m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A, có tứ cận:

Đông giáp đất Trương Thị T1;

Nam giáp đất Nguyễn Thị A;

Tây giáp đường bê tông;

Bắc giáp đất Trương Văn P, Trương Thị T, Trương Thị Đ, Trương Thị Ngọc D, Trương Thị Ngọc H, Trương Thị H1.

Giá trị đất cây lâu năm là 115.000đ/m^2 x 105,3m^2 = 12.109.500 đồng

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 838, tờ bản đồ số 46 theo Mảnh trích đo địa chính số 17-2021 ngày 20/01/2021 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK916288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05336, ngày 08/10/2007 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Nguyễn Thị A để các bên đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất đã được phân chia như trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trương Văn P phải chịu 885.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002466 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên phải nộp thêm 585.000 đồng.

- Chị Trương Thị T phải chịu 393.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004760 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên phải nộp thêm 93.000 đồng.

- Chị Trương Thị Đ phải chịu 316.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004759 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên phải nộp thêm 16.000 đồng.

- Chị Trương Thị Ngọc D phải chịu 316.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số

0004762 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên phải nộp thêm 16.000 đồng.

- Chị Trương Thị Ngọc H phải chịu 310.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004761 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên phải nộp thêm 10.500 đồng.

- Chị Trương Thị H1 phải chịu 310.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004763 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên phải nộp 10.000 đồng.

- Chị Trương Thị T1 phải chịu 508.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004764 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên phải nộp 208.500 đồng .

- Bà Nguyễn Thị A do là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
- *VKSND TP Mỹ Tho.*
- *Đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án*